

Số: 297 /TB-DHTĐHN/TS25

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO

Phương án tuyển sinh Đại học hệ chính quy năm 2025

Thực hiện kế hoạch tuyển sinh trình độ đại học năm 2025, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thông báo Phương án tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2025 như sau:

1. Thông tin chung

Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Mã trường: HNM

Địa chỉ trường:

- Trụ sở chính: Số 98 phố Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

- Cơ sở 2: Xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

- Cơ sở 3: Số 6 phố Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

- Cơ sở 4: Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: Website: <http://hnm.edu.vn>

Địa chỉ các trang mạng xã hội của trường:
<https://www.facebook.com/hnm.edu.vn/>

Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0986 735 072

2. Đối tượng, phạm vi tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.1. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội tuyển sinh phạm vi thí sinh trên toàn quốc đối với tất cả các ngành đào tạo.

3. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào chứng chỉ năng lực ngoại ngữ quốc tế bậc 3 hoặc tương đương trở lên (trong thời hạn 2 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ) kết hợp điểm môn thi tốt nghiệp THPT. Không áp dụng với ngành Giáo dục thể chất.



- Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (học bạ). Không áp dụng đối với các ngành đào tạo giáo viên (trừ ngành Giáo dục thể chất).

- Phương thức 4: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Phương thức 5: Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức năm 2025 để xét tuyển.

4. Chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển (dự kiến)

Chi tiết tại Phụ lục kèm Thông báo.

5. Một số định hướng đào tạo đặc thù của Trường

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non, Nhà trường tổ chức đào tạo theo 02 định hướng: Giáo dục Mầm non đại trà; Giáo dục Mầm non hòa nhập.

- Đối với ngành Giáo dục Tiểu học, Nhà trường tổ chức đào tạo theo 03 định hướng: Giáo dục Tiểu học đại trà; Giáo dục Tiểu học hòa nhập; Giáo dục Tiểu học tiên tiến.

- Đối với ngành Toán ứng dụng, Nhà trường tổ chức đào tạo theo định hướng Toán tin ứng dụng.

- Đối với ngành Quản lí công, Nhà trường tổ chức đào tạo theo 2 định hướng: Quản lý tài chính công; Quản lý nguồn nhân lực.

- Đối với ngành Quản trị kinh doanh, Nhà trường tổ chức đào tạo theo 02 định hướng: Quản trị Marketing; Quản trị doanh nghiệp.

- Đối với ngành Chính trị học, Nhà trường tổ chức đào tạo chuyên ngành Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đối với ngành Tài chính – Ngân hàng, Nhà trường tổ chức đào tạo theo 02 định hướng: Tài chính doanh nghiệp; Ngân hàng.

- Đối với ngành Công nghệ kĩ thuật môi trường, Nhà trường tổ chức đào tạo theo 02 định hướng: Quản lý môi trường; Phân tích môi trường.

- Đối với ngành Văn hóa học, Nhà trường tổ chức đào tạo theo định hướng Công nghiệp văn hóa.

Lưu ý: Nhà trường chỉ tổ chức đào tạo theo các định hướng khi đáp ứng đủ số lượng sinh viên tối thiểu để mở lớp.

6. Cách tính điểm xét tuyển theo từng phương thức

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào chứng chỉ năng lực ngoại ngữ quốc tế bậc 3 hoặc tương đương trở lên (trong thời hạn 2 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ)

kết hợp điểm môn thi tốt nghiệp THPT. Không áp dụng với ngành Giáo dục thể chất.

$$\text{Điểm xét tuyển} = (A \times 2) + (B+C)/2 + D$$

Trong đó:

A là điểm quy đổi chứng chỉ năng lực ngoại ngữ quốc tế

B là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Toán

C là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Ngữ văn

D là điểm ưu tiên (nếu có)

Điểm quy đổi chứng chỉ năng lực ngoại ngữ quốc tế quy định như sau: Nhà trường công nhận những loại chứng chỉ sau: Tiếng Anh (IELTS, TOEFL IBT, TOEFL ITP); Tiếng Trung Quốc (chứng chỉ HSK).

IELTS	TOEFL IBT	TOEFL ITP	HSK (tiếng Trung Quốc)	Điểm quy đổi
6.5 trở lên	76-93	570 trở lên	HSK 5 trở lên	10
6.0	66-75	548-569		9.5
5.5	56-65	510-547	HSK 4	9
5.0	46-55	491-509		8.5
4.5	36-45	471-490	HSK 3	8
4.0	30-35	450-470		7.5

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (học bạ). Không áp dụng đối với các ngành đào tạo giáo viên (trừ ngành Giáo dục thể chất).

Đối với phương thức xét kết quả học tập bậc THPT, điểm xét tuyển là điểm cả năm lớp 12 của từng môn học tương ứng thuộc tổ hợp xét tuyển:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Môn 1}) + (\text{Môn 2}) + (\text{Môn 3}) + [\text{Điểm ƯT (nếu có)}]$$

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$.

- Phương thức 4: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Điểm thành phần trong tổ hợp xét tuyển là điểm thi tốt nghiệp THPT của thí sinh thuộc tổ hợp xét tuyển tương ứng:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Môn 1}) + (\text{Môn 2}) + (\text{Môn 3}) + [\text{Điểm ƯT (nếu có)}]$$

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$.

- Phương thức 5: Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức năm 2025 để xét tuyển.

Điểm thành phần trong tổ hợp xét tuyển là điểm thi của thí sinh trong kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội tổ chức tương ứng theo từng tổ hợp xét tuyển:

Điểm xét tuyển = (Môn 1) + (Môn 2) + (Môn 3) + [Điểm UT (nếu có)]

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội sẽ xây dựng Đề án tuyển sinh và công bố chính thức ở các thông báo tiếp theo.

Nếu có thắc mắc về thông tin tuyển sinh, thí sinh có thể liên hệ theo số điện thoại: 0986735072 hoặc tại fanpage của trường theo địa chỉ: <https://www.facebook.com/hnmu.edu.vn/> để được tư vấn./.*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng tuyển sinh Trường;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Trung tâm TTTV&HL (đăng Website);
- Lưu: VT, QLĐT&CTHSSV (03 bản).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Quốc Hoàn
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐH THỦ ĐÔ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU VÀ TỔ HỢP XÉT TUYỂN

(Kèm theo Thông báo số: 297 /TB-ĐHTĐHN/TS25 ngày 11/3/2025 của Trường ĐHTĐHN)

TT	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tổng chỉ tiêu (dự kiến)	Mã tổ hợp 1	Mã tổ hợp 2	Mã tổ hợp 3	Mã tổ hợp 4
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	7140114	Quản lí Giáo dục	100	50	D01	C03	C04	C14
			200					
			402					
			301					
			408					
				XTT				
				CCQT				
2	7760101	Công tác xã hội	100	50	D01	C03	C04	C14
			200					
			402					
			301					
			408					
				XTT				
				CCQT				
3	7140203	Giáo dục đặc biệt	100	45	D01	C03	C04	C14
			200					
			402					
			301					
			408					
				XTT				
				CCQT				
4	7380101	Luật	100	100	D01	C03	C04	C14
			200					
			402					
			301					
			408					
				XTT				
				CCQT				
5	7310201	Chính trị học	100	50	D01	C03	C04	C14
			200					

TT	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tổng chỉ tiêu (dự kiến)	Mã tổ hợp 1	Mã tổ hợp 2	Mã tổ hợp 3	Mã tổ hợp 4				
1	2	3	4	5	6	7	8	9				
			402									
			301						XTT			
			408						CCQT			
6	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	90	D01	C03	C04	C14				
			200									
			402									
			301						XTT			
			408						CCQT			
7	7810201	Quản trị khách sạn	100	90	D01	C03	C04	C14				
			200									
			402									
			301						XTT			
			408						CCQT			
8	7310630	Việt Nam học	100	50	D01	C00	C04	C14				
			200									
			402									
			301						XTT			
			408						CCQT			
9	7340101	Quản trị kinh doanh	100	90	D01	C01	C02	C04				
			200									
			402									
			301						XTT			
			408						CCQT			
10	7310110	Quản lý kinh tế	100	50	D01	C01	C02	C04				
			200									
			402									
			301						XTT			

TT	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tổng chỉ tiêu (dự kiến)	Mã tổ hợp 1	Mã tổ hợp 2	Mã tổ hợp 3	Mã tổ hợp 4
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			408		CCQT			
11	7510605	Logistics và Quản lí chuỗi cung ứng	100	90	D01	C03	C04	C14
			200					
			402		XTT			
			301		CCQT			
			408					
12	7340403	Quản lí công	100	50	D01	C03	C04	C14
			200					
			402		XTT			
			301		CCQT			
			408					
13	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	90	D01	C03	C04	C14
			200					
			402		XTT			
			301		CCQT			
			408					
14	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	90	D01	C03	C04	C14
			200					
			402		XTT			
			301		CCQT			
			408					
15	7140209	Sư phạm Toán học	100	45	D01	C01	C02	C04
			402					
			301		XTT			
			408		CCQT			
16	7140211	Sư phạm Vật lí	100	23	D01	C01	C02	C04
			402					

TT	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tổng chỉ tiêu (dự kiến)	Mã tổ hợp 1	Mã tổ hợp 2	Mã tổ hợp 3	Mã tổ hợp 4
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			301		XTT			
			408		CCQT			
17	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	45	D01	C03	C04	C14
			402					
			301		XTT			
			408		CCQT			
18	7140218	Sư phạm Lịch sử	100	27	D01	C03	C04	C14
			402					
			301		XTT			
			408		CCQT			
19	7140204	Giáo dục công dân	100	40	D01	C03	C04	C14
			402					
			301		XTT			
			408		CCQT			
20	7140201	Giáo dục Mầm non	100	210	D01	C03	C04	C14
			402					
			301		XTT			
			408		CCQT			
21	7140210	Sư phạm Tin học	100	50	D01	A01	C02	A00
			402					
			301		XTT			
			408		CCQT			
22	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	100	40	D01	C03	C04	C14
			402					
			301		XTT			
			408		CCQT			
23	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	350	D01	C03	C04	C14

TT	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tổng chỉ tiêu (dự kiến)	Mã tổ hợp 1	Mã tổ hợp 2	Mã tổ hợp 3	Mã tổ hợp 4
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			402					
			301		XTT			
			408		CCQT			
24	7460112	Toán ứng dụng	100	50	D01	A01	C02	A00
			200					
			402		XTT			
			301		CCQT			
			408					
25	7480201	Công nghệ thông tin	100	90	D01	A01	C02	A00
			200					
			402		XTT			
			301		CCQT			
			408					
26	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	100	50	D01	C01	C02	C04
			200					
			402		XTT			
			301		CCQT			
			408					
27	7140206	Giáo dục thể chất	100	80	T00	T01	T02	T08
			200					
			402		XTT			
			301		CCQT			
28	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	90	D01	C01	C02	C04
			200					
			402		XTT			
			301		CCQT			
			408					

TT	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tổng chỉ tiêu (dự kiến)	Mã tổ hợp 1	Mã tổ hợp 2	Mã tổ hợp 3	Mã tổ hợp 4				
1	2	3	4	5	6	7	8	9				
29	7229040	Văn hóa học	100	50	D01	C00	C04	C14				
			200									
			402									
			301						XTT			
			408						CCQT			
30	7229030	Văn học	100	90	D01	C03	C04	C14				
			200									
			402									
			301						XTT			
			408						CCQT			
31	7310401	Tâm lí học	100	50	D01	C03	C04	C14				
			200									
			402									
			301						XTT			
			408						CCQT			
Tổng số (dự kiến)				2365								

Lưu ý: Tên phương thức quy định như sau:

Mã PT	Tên phương thức	Mã tổ hợp
100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Theo tổ hợp bảng trên
200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	Theo tổ hợp bảng trên
301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	XTT
402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội năm 2025	Theo tổ hợp bảng trên
408	Kết hợp chứng chỉ	CCQT

Quy định về tổ hợp môn:

- Với các tổ hợp môn có môn ngoại ngữ, thí sinh có thể thay thế Tiếng Anh bằng tiếng Trung Quốc.

- Các môn trong tổ hợp xét tuyển:

A00: Toán, Vật lý, Hóa học

A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh

D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

C01: Ngữ văn, Toán, Vật lí

C02: Ngữ văn, Toán, Hóa học

C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử

C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí

C14: Ngữ văn, Toán, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.

T00: Toán, Sinh, Năng khiếu Thể dục thể thao

T01: Toán, Văn, Năng khiếu thể dục thể thao

T02: Văn, Sinh, Năng khiếu thể dục thể thao

T08: Toán, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Năng khiếu thể dục thể thao